

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 4 năm 2022
“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến

Chức Hết thẩm nhân đơn: Ông Nguyễn Ngọc Hà

Bà Đỗ Thị Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh PT tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 74/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022, về: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khu 5, xã HL, thành phố VT, tỉnh PT;

Bị đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1978 (Ngô Hương L, sinh năm 1979);

Địa chỉ: Tổ 48, khu 8, phường VP, thành phố VT, tỉnh PT.

(Anh S có mặt; chị L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn S và bị đơn là chị Ngô Thị L đều trình bày nội dung như sau:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn S và chị Ngô Thị L đều thừa nhận hai bên đăng ký kết hôn ngày 20/01/2001 tại UBND xã HL, thành phố VT, tỉnh PT. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện, không bị ép buộc gì và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục. Khi đăng ký kết hôn cả anh S và chị L đều đã kê khai ngày, tháng, năm sinh và họ tên không đúng với chứng minh nhân dân, cụ thể là: Anh Nguyễn Văn S, sinh ngày 01/7/1976 nhưng kê khai là Nguyễn Văn S, sinh ngày 05/10/1976 còn chị Ngô Thị L, sinh ngày 06/7/1978 khi đăng ký kê khai là Ngô Hương L, sinh tháng 01/1979 nên trong Giấy chứng minh

nhân dân và Giấy chứng nhận kết hôn có sự khác nhau. Nay ly hôn tại Tòa án anh S và chị L đã có đơn đề nghị UBND xã HL, thành phố VT xác nhận giữa anh S, chị L trong Giấy chứng minh nhân dân và anh S, chị L trong Giấy chứng nhận kết hôn là đúng người,

Cả phía anh S và chị L đều thừa nhận: Sau khi kết hôn hai bên sống hạnh phúc khoảng được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống luôn bất đồng trong mọi lĩnh vực. Sau đó, đến năm 2002 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở tại tổ 48, khu 8, phường VP, thành phố VT từ đó cho đến nay, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ từ đó, không quan tâm đến nhau nữa. Nay phía anh S và chị đều xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

2. **Về con chung:** Anh S và chị L đều xác định vợ chồng không có con chung.

3. **Về tài sản chung, công nợ và công sức:** Anh S và chị L đều xác định không có gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh PT, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S.

Xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Ngô Thị L.

Về con chung: Anh S và chị L đều xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Anh S và chị L đều xác định không có gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn đều đang cư trú tại thành phố VT, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT.

Xét về sự vắng mặt của bị đơn: Chị Ngô Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc không tiến hành hòa giải được: Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2022, chị Ngô Thị L đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị L tại Tòa án và chị L nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn S và có đơn xin xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và Ngô Thị L, đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, thành phố VT, tỉnh PT ngày 20/01/2001 dựa trên cơ sở tình nguyện, không ai bị ép buộc. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Hai bên xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2002, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm về mọi lĩnh vực trong cuộc sống. Hiện nay chị L đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng sống ly thân từ đó và đã chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh S và chị L đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin điều xin được thuận tình ly hôn. Xét việc xin thuận tình ly hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, nhưng do phía chị L vắng mặt tại phiên tòa nên cần xử cho anh S được ly hôn với chị L là phù hợp pháp luật.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Ngô Thị L đều xác định không có, nên không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ và công sức: Anh Nguyễn Văn S và chị Ngô Thị L xác định không có, không đề nghị giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh S phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định là phù hợp pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

V× c, c lĩ trªn;

quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S.

[1]. Xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Ngô Thị L.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Ngô Thị L đều xác định không có, nên không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, công nợ và công sức: Anh Nguyễn Văn S và chị Ngô Thị L xác định không có, không đề nghị giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chi 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh S nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tôi biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0009216 ngày 25/02/2022, tôi Chi cục dân sự thành phố VT, tỉnh PT.

Anh S có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP, tỉnh;
- Chi cục THATP.VT;
- UBND xã HL, TP VT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Luyện

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án (hoặc bản án này được niêm yết theo quy định của pháp luật) để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lưu

Nguyễn B×nh